TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------

Bản án số: 10/2019/DS-ST
Ngày: 14 – 6 - 2019
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Triệu Khánh Long;

2. Ông Phan Văn Nghiêm.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Đình Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

Trong ngày 14 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 07/2019/TLST-DS, ngày 21 tháng 01 năm 2019 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hụi"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2019/QĐST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Ngô Thị Thu Tr, sinh năm 1974 (Có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 51 khóm T, phường V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn*: Bà Bùi Ngọc B, sinh năm 1978 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 43 ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17/01/2019 (BL 16) cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Ngô Thị Thu Tr trình bày:

Ngày 19/3/2017 (âm lịch), bà Tr và bà B có giao kết với nhau hợp đồng vay tài sản, hợp đồng không lập thành văn bản mà chỉ thỏa thuận lời nói. Theo đó, bà Tr cho bà B vay số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng), tiền lãi mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng). Đến cuối tháng, bà B đã trả được 4.000.000đ (bốn triệu đồng) tiền vốn và 2.000.000đ (hai triệu đồng) tiền lãi, còn nợ lại 6.000.000đ (sáu triệu đồng) tiền vốn. Đến ngày 18/4/2017 (âm lịch), bà Tr tiếp tục cho bà B vay 4.000.000đ (bốn triệu đồng); tổng cộng bà B nợ tiền vay của bà Tr là 10.000.000đ (mười triệu đồng), thời hạn trả là 01 tháng, lãi suất cũng là 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng. Tuy nhiên, bà B vay mới chỉ được 4 ngày thì bể nợ nên bỏ địa phương, không trả vốn và cũng chưa trả lãi lần nào.

Ngoài ra, bà Tr có tham gia chơi hụi do bà Bùi Ngọc B làm chủ hụi, việc chơi hụi không lập thành văn bản mà chỉ thỏa thuận bằng lời nói, cụ thể:

- Dây hụi thứ nhất: Hụi 200.000 đồng, có 70 chân, 15 ngày xổ 01 lần, xổ lần đầu là ngày 06/9/2014 (âm lịch); bà Tr tham gia 02 (hai) chân hụi, đã hốt 1 chân hụi nên còn 1 chân hụi sống và đóng được 63 kỳ thì bà B bể hụi nên bỏ đi. Do vậy, đối với chân hụi sống bà Tr đóng được là 12.600.000đ (mười hai triệu sáu trăm nghìn đồng), nhưng do chân hụi chết bà Tr còn nợ lại bà B 7 kỳ với số tiền là 1.400.000đ (một triệu bốn trăm nghìn đồng) nên sau khi tổng kết lại thì dây hụi này bà B nợ bà Tr 11.200.000đ (mười một triệu hai trăm nghìn đồng).

- Dây hụi thứ hai: Hụi 200.000 đồng, có 40 chân, 15 ngày xổ 01 lần, xổ lần đầu là ngày 10/01/2017 (âm lịch); bà Tr tham gia 02 (hai) chân hụi và đóng được 07 kỳ là 2.800.000 đ (hai triệu tám trăm nghìn đồng), bà B bể hụi nên bỏ đi nên còn nợ lại bà Tr số tiền là 2.800.000 đ (hai triệu tám trăm nghìn đồng).

Tuy nhiên, trong quá trình chơi hụi do bà B làm chủ hụi, bà Tr còn tham gia một dây hụi khác là hụi 200.000 đồng, bà Tr đã hốt hụi, đóng hụi chết còn nợ lại 2 kỳ x 2 chân hụi là 800.000 đồng, do bà B bể hụi bỏ đi nên bà Tr chưa đóng cho bà B số tiền này. Nay, bà Tr khấu trừ số tiền này trong số nợ của bà B, tổng kết lại thì bà B còn nợ tiền hụi của bà Tr là 13.200.000đ (mười ba triệu hai trăm nghìn đồng); bà Tr trình bày, các dây hụi này hiện nay điều đã mãn.

Tổng cộng số tiền vay và tiền hụi bà B còn nợ của bà Tr là 23.200.000đ (hai mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng), bà Tr yêu cầu bà B thanh toán cho bà toàn bộ số nợ nêu trên và không yêu cầu tính lãi nữa.

Tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp là bản sao chứng minh nhân dân của bà Ngô Thị Thu Tr, bản sao sổ hộ khẩu của bà Ngô Thị Thu Tr, đơn yêu cầu giải quyết của bà Trgửi cho Ban nhân dân ấp T, Biên bản hòa giải cơ sở của Tổ hòa giải ấp T đề ngày 15/01/2019.

- Tại Biên bản hòa giải không thành ngày 07/3/2019 (BL 27,28) bị đơn bà Bùi Ngọc B trình bày: Đúng là bà có vay tiền của bà Tr số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng), vay thời điểm nào thì bà cũng không nhớ vì khi vay chỉ thỏa thuận bằng lời nói mà không lập thành văn bản, lãi suất 2.000.000đồng/tháng và bà đã đóng cho bà Tr được khoảng 1 năm tiền lãi là 24.000.000đ (hai mươi bốn triệu đồng) và tiền vốn gốc nhưng do bà giao tiền trực tiếp cho bà Tr nên không có gì để chứng minh và hiện nay thì bà vẫn còn nợ tiền gốc của bà Tr là 10.000.000đ (mười triệu đồng). Ngoài ra bà có làm đầu thảo hụi và bà Ngô Thị Thu Tr có tham gia chơi hụi. Đối với hai dây hụi bà Tr tham gia, bà thừa nhận lời trình bày của bà Tr là đúng. Trong quá trình chơi hụi, bà Tr có hốt các chân hụi và nợ lại tiền hụi chết của bà cũng đúng như bà Tr trình bày và bà thừa nhận còn nợ của bà Tr là 13.200.000đ (mười ba triệu hai trăm nghìn đồng) nhưng do bà bị bể hụi nên không có khả năng thanh toán cho bà Tr. Cộng cả hai khoản tiền hụi và tiền vay thì bà còn nợ của bà Tr là 23.200.000đ (hai mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng), nhưng do hiện nay hoàn cảnh của gia đình bà khó khăn nên xin bà Tr gia hạn cho bà mỗi tháng sẽ trả 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi hết nợ. Ngoài lời trình bày nêu trên thì bà B vắng mặt tại phiên tòa và không có ý kiến trình bày gì khác nữa và cũng không giao nộp tài liệu chứng cứ gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án không thu thập thêm được tài liệu, chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Ngô Thị Thu Tr khởi kiện, yêu cầu bà Bùi Ngọc B vay tài sản có kỳ hạn, có lãi và nợ hụi. Đây là các giao dịch dân sự được quy định tại Điều 463, khoản 1 Điều 469 và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn Bùi Ngọc B đã được triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên tòa, đều vắng mặt không có lý do nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung giải quyết:

Căn cứ vào Biên bản hòa giải không thành ngày 07/3/2019 (BL 27,28), lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay thì việc giao dịch của nguyên đơn Ngô Thị Thu Tr và bị đơn Bùi Ngọc B diễn ra như sau:

Đối với số tiền vay, bà Tr cho bà B vay số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng), tiền lãi là 2.000.000 đồng/tháng. bà B đã trả vốn được 4.000.000đ (bốn triệu đồng) và lãi 2.000.000đ (hai triệu đồng), còn nợ vốn 6.000.000đ (sáu triệu đồng). Sau đó, ngày 18/4/2017 (âm lịch), bà Tr tiếp tục cho bà B vay 4.000.000đ (bốn triệu đồng) nên tổng cộng số tiền vay là 10.000.000đ (mười triệu đồng), thời hạn trả là 01 tháng, lãi suất cũng là 2.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, bà B vay mới chỉ được 4 ngày thì bể nợ nên bỏ địa phương, không trả vốn và cũng không trả lãi. Như vậy, bà Tr cho rằng đối với số tiền vay 10.000.000đ (mười triệu đồng) có quy định lãi suất và thời hạn thanh toán, tuy nhiên bà B chỉ đóng tiền lãi được 2.000.000đ (hai triệu đồng) rồi ngưng không đóng nữa và cũng không thanh toán vốn. Bà B cho rằng bà vay số tiền này đúng như lời trình bày của nguyên đơn, nhưng không nhớ rõ ngày tháng vay và bà đã thanh toán tiền lãi được 12 tháng là 24.000.000đ (hai mươi bốn triệu đồng) việc vay và đóng lãi được thực hiện bằng lời nói, không có văn bản và chỉ có bà Trvà bà B biết, ngoài ra không còn ai biết nữa, lúc đóng cũng chỉ đưa trực tiếp cho bà Tr chứ không ghi giấy tờ hay biên nhận.

Đối với số tiền vay này, bà B thừa nhận có vay nên bà Tr không phải chứng minh. Riêng thời điểm vay và số tiền lãi bà B trình bày là đã đóng 24.000.000đ (hai mươi bốn triệu đồng) bà Tr không đồng ý. Bà B cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh là mình có đóng lãi cho bà Tr 24.000.000đ (hai mươi bốn triệu đồng) như lời trình bày tại buổi hòa giải. Căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, do bà B không cung cấp chứng cứ chứng minh ý kiến phản đối của mình là có căn cứ và hợp pháp nên chấp nhận theo lời trình bày của nguyên đơn, Tòa án xác định bà B đã vay của bà Tr là 10.000.000đ (mười triệu đồng) vào ngày

18/4/2017 và bà B đã đóng lãi được 2.000.000đ (hai triệu đồng) như lời khai của bà Tr.

Ngoài ra, bà B có làm đầu thảo hụi và bà Tr có tham gia chơi hụi do bà Bùi Ngọc B làm chủ hụi cụ thể:

- Dây hụi thứ nhất: Hụi 200.000 đồng, có 70 chân, 15 ngày xổ 01 lần, xổ lần đầu là ngày 06/9/2014 (âl); bà Tr tham gia 02 (hai) chân hụi, đã hốt 1 chân hụi nên còn 1 chân hụi sống và đóng được 63 kỳ thì bà B bể hụi nên bỏ đi. Do vậy, đối với chân hụi sống bà Tr đóng được là 12.600.000đ (mười hai triệu sáu trăm ng hìn đồng), nhưng do chân hụi chết bà Tr còn nợ lại bà B 7 kỳ với số tiền là 1.400.000đồng nên sau khi tổng kết lại thì dây hụi này bà B nợ bà Tr 11.200.000đ (mười một triệu hai trăm nghìn đồng).

- Dây hụi thứ hai: Hụi 200.000 đồng, có 40 chân, 15 ngày xổ 01 lần, xổ lần đầu là ngày 10/01/2017 (âl); bà Tr tham gia 02 (hai) chân hụi và đóng được 07 kỳ là 2.800.000 đ (hai triệu tám trăm nghìn đ ồng), bà B bể hụi nên bỏ đi nên còn nợ lại bà Tr số tiền là 2.800.000 đ (hai triệu tám trăm nghìn đồng).

Tuy nhiên, trong quá trình chơi hụi do bà B làm chủ hụi, bà Tr còn tham gia một dây hụi khác là hụi 200.000 đồng, bà Tr đã hốt hụi, đóng hụi chết còn nợ lại 2 kỳ x 2 chân hụi là 800.000 đồng, do bà B bể hụi bỏ đi nên bà Tr chưa đóng cho bà B số tiền này. Các dây hụi này hiện nay đã mãn nên tổng số tiền hụi bà B còn nợ là 13.200.000đ (mười ba triệu hai trăm nghìn đồng).

Tổng số tiền vay và hụi bà Bcòn nợ của bà Tr là 23.200.000đ (hai mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng). Xét khi giao kết hợp đồng hụi và vay tài sản, bà Tr và bà B là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, giao kết hợp đồng dựa trên cơ sở tự nguyện của hai bên.

Đối với hợp đồng góp hụi được quy định tại các Điều 117 và 471 của Bộ luật dân sự năm 2015. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà B đã có lỗi khi đơn phương chấm dứt hợp đồng (bà B không trả hụi cho bà Tr khi các dây hụi đã mãn), điều này đã gây thiệt thòi cho quyền lợi của bà Tr. Do đó, căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật dân sự 2015 và các Điều 26 và 14 của Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường thì yêu cầu của bà Tr đòi bà B thanh toán số tiền nợ hụi là 13.200.000đ (mười ba triệu hai trăm nghìn đồng) là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với số tiền vay 10.000.000đ (mười triệu đồng), ban đầu là hợp đồng vay có lãi, có kỳ hạn. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bà Tr đồng ý không tính lãi suất. Từ các căn cứ nêu trên, đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, có cơ sở khách quan để kết luận việc giao dịch dân sự giữa các bên đối với số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi.

Tại phiên tòa, bà Tr tiếp tục yêu cầu bà B phải thanh toán cho bà toàn bộ số tiền vay và hụi là 23.200.000đ (hai mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng) là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà Tr có đơn yêu cầu thi hành án, bà B phải trả lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

[3] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, bà B phải chịu toàn bộ án phí có giá ngạch tương ứng với nghĩa vụ thanh toán quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV. Cụ thể bà Bích phải chịu là 23.200.000đ x 5% = 1.160.000đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92, khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 144, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 470, Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 26 và 14 của Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngô Thị Thu Tr đối với bị đơn Bùi Ngọc B, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hụi". Buộc Bùi Ngọc B có nghĩa vụ trả cho bà Trg số tiền vay là 10.000.000đồng và nợ hụi là 13.200.000đ tổng số tiền là 23.200.000đ,

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà Tr có đơn yêu cầu thi hành án, bà B phải trả lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Ngọc B phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.160.000 đồng).

Bà Ngô Thị Thu Tr không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 635.000đồng theo Biên lai thu số 0004088 ngày 18/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu.

3. Bà Ngô Thị Thu Tr có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án; bà Bùi Ngọc B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

VÕ THỊ HIẾU

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.